

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT
2014

Quảng Ninh, ngày tháng 04 năm 2015

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 04 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ VINACOMIN
NĂM 2014

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin;
- Tên giao dịch quốc tế: Vinacomin - Campha Thermal Power Joint - Stock Company;
- Tên viết tắt: CPC;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700428470 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 04/11/2002, thay đổi lần thứ 4 ngày 27/07/2012;
- Vốn điều lệ: 2.080.000.000.000 đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.969.806.222.882 đồng;
- Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh - thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh;
- Điện thoại: 033 3734.459;
- Fax: 033 3730 956;
- Website: <http://www.nhietdiencampha.com.vn>;
- Mã cổ phiếu: Chưa cấp mã;

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 220300067 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 04/11/2002. Công ty được thành lập trên cơ sở góp vốn của năm (05) cổ đông sáng lập là các tổng công ty Nhà nước, bao gồm: Tổng công ty Than Việt Nam (VINACOAL), Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt nam (VINAINCON), Tổng công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng (LICOGI), Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (VINACONEX).

Quá trình phát triển của Công ty được ghi nhận bởi các dấu mốc quan trọng như sau:

- Tháng 04 năm 2006 Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 1 được Công ty bắt đầu khởi công xây dựng và đã đi vào vận hành và phát điện thương mại từ tháng 08 năm 2010;

- Tháng 12 năm 2007 Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 2 được Công ty bắt đầu khởi công xây dựng và bắt đầu đi vào vận hành và phát điện thương mại từ tháng 05 năm 2011;

- Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả được chuyển thành công ty con trực thuộc Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin và là đơn vị hạch toán độc lập theo Quyết định số 3153/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam;

- Ngày 01/10/2010 Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin theo Quyết định số 807/ĐLTKV-TCLĐTL ngày 01/10/2010 của Tổng công ty Điện lực - Vinacomin;

- Bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin chính thức tham gia vào thị trường phát điện cạnh tranh Việt Nam theo văn bản hướng dẫn số 5742 ngày 29/06/2012 của Bộ Công Thương. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin trực tiếp nộp bản chào giá bán điện với Công ty mua bán điện (EPTC) của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Các mốc sự kiện quan trọng của Công ty gồm:

Năm	Sự kiện quan trọng
2002	Thành lập Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả.
2002	Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả.
2006	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả ký hợp đồng EPC với nhà thầu HPE xây dựng Dự án Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 1.
2007	Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả ký hợp đồng EPC với nhà thầu HPE xây dựng Dự án Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 2.
2007	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Dự án Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 1.
2008	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Dự án Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 2.
2009	Công ty Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả là công ty con trực thuộc Tổng công ty Điện lực - Vinacomin.

2010	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin.
2010	Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 1 được đưa vào vận hành.
2011	Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả 2 được đưa vào vận hành.
2012	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin tham gia thị trường phát điện cạnh tranh Việt nam (VCGM).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống điện Quốc gia.

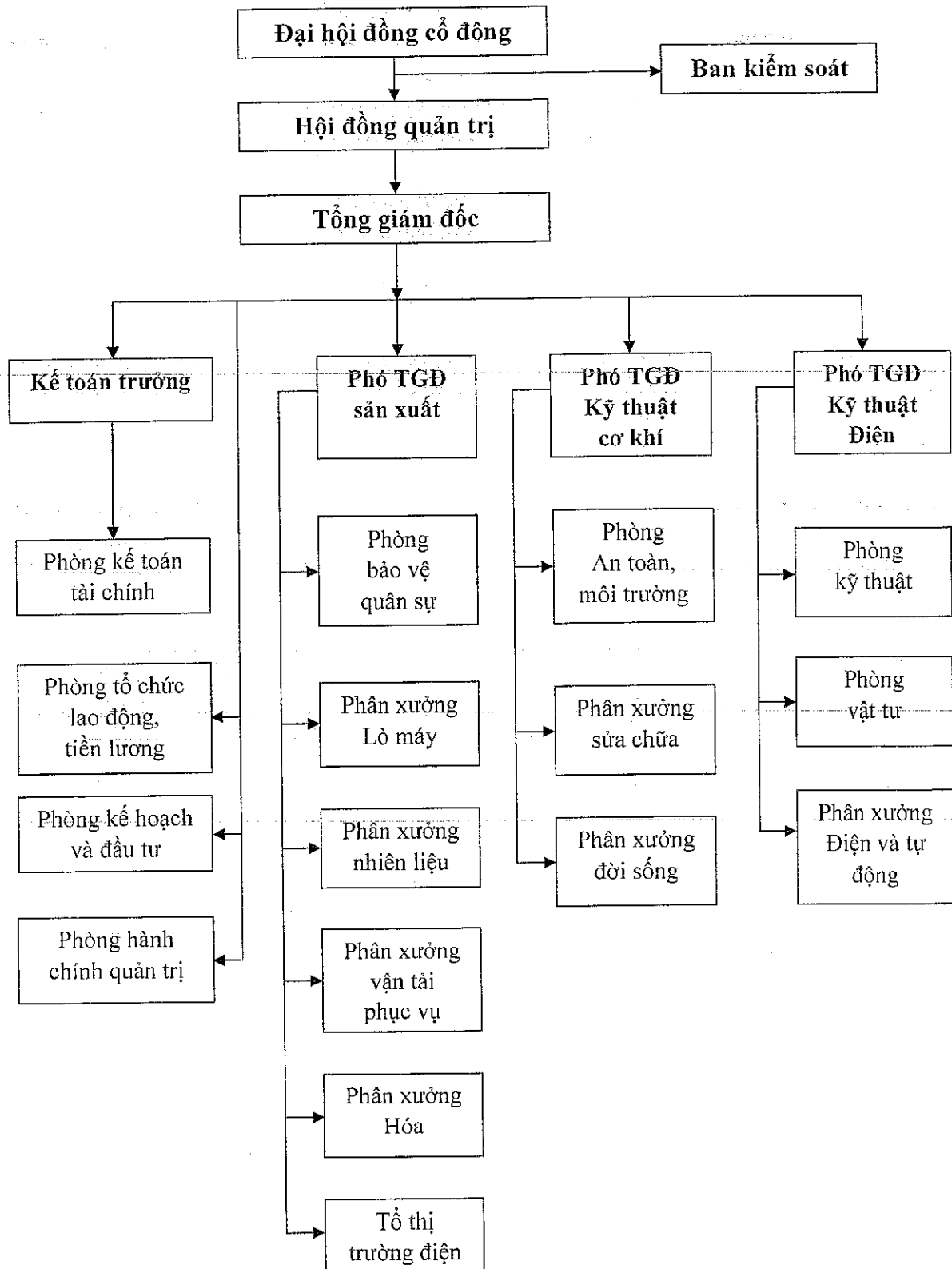
- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn hoạt động kinh doanh chính của Công ty là tỉnh Quảng Ninh, Việt nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

• Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

• Cơ cấu bộ máy quản lý:



- *Các công ty con, công ty liên kết:* Không có.

5. Định hướng phát triển

- *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:*

- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 3,8 tỷ kWh trở lên;
- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra;
- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia;

- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.

- *Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

- Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác, tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông;

- *Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và Cộng đồng của Công ty:*

- Tiếp tục duy trì khai thác bán tro, xỉ để góp phần cải tạo môi trường và nâng cao doanh thu và lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.
- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tham gia các chương trình từ thiện, giáo dục, khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá, cụ thể:

- *Rủi ro tỷ giá:* Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá giữa đồng Đôla Mỹ và Đồng Việt Nam.
- *Rủi ro lãi suất:* Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.
- *Rủi ro về giá hàng hóa:* Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

6.2. *Rủi ro tín dụng:* Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

6.3. *Rủi ro thanh khoản:* Rủi ro thanh khoản xảy ra khi Công ty Công ty không có đủ nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn. Việc quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban điều hành Công ty đã đề ra những mục tiêu và các giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2014 đảm bảo sản xuất điện an toàn và kinh tế; Sử dụng linh hoạt các nguồn vốn của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và hiệu quả cao. Năm 2014, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước chịu ảnh hưởng từ khủng hoảng kinh tế nặng nề. Nhu cầu sử dụng điện không căng thẳng như những năm trước, tình hình thủy văn có nhiều thuận lợi do đó EVN ưu tiên phát công suất cao tại các nguồn thủy điện và huy động phát công suất thấp các nhà máy nhiệt điện. Có thời điểm, Công ty chỉ phát điện một tổ máy. Năm 2014, Công ty sản xuất được 3 tỷ 266 triệu kWh đạt 97,2% so với kế hoạch năm, doanh thu từ sản xuất điện đạt 4.329 tỷ đồng đã giúp cho Công ty có lợi nhuận trước thuế là 31,90 tỷ đồng.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh năm 2014 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013 (tỷ đồng)	Năm 2014 (tỷ đồng)	Tăng trưởng (%)
1	Sản lượng điện sản xuất (tỷ kwh)	3,269	3,266	- 0,09
2	Tổng tài sản	9.423,63	8.803,12	-6,58
3	Vốn chủ sở hữu	1.553,38	1.553,38	0
4	Vốn điều lệ	2.080,00	2.080,00	0
5	Doanh thu thuần	3.561,03	4.329,08	21,57
6	Lợi nhuận trước thuế	154,27	31,90	-64,32
7	Lợi nhuận sau thuế	154,27	31,90	-64,32

Kết thúc năm tài chính 2014, doanh thu của Công ty đạt 4.336,64 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ sản xuất điện vẫn chiếm tỷ trọng chính (99,83%), tiếp theo là doanh thu từ hoạt động tài chính chiếm tỷ trọng 0,07%, doanh thu từ hoạt động khác chiếm 0,10%.

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

- Ông Phạm Đức Lâm - Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Xuân Trình - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Dương Hồng Hải - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trung Thực - Phó Tổng Giám đốc

Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban điều hành như sau:

1	Ông Phạm Đức Lâm	
♦	Chức danh	Tổng giám đốc
♦	Giới tính	Nam
♦	Ngày tháng năm sinh	30/10/1959
♦	Nơi sinh	Thái Bình
♦	Dân tộc	Kinh
♦	Quốc tịch	Việt nam
♦	Địa chỉ thường trú	Tổ 23 C, Khu 4, Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh
♦	Trình độ văn hóa	10/10
♦	Số CMND	090551181
♦	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp
♦	Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	Tổng giám đốc

♦	Quá trình công tác	
	10/1976 - 08/1978	Sinh viên, ngành Điện khí hóa, trường ĐH Công nghiệp Thái Nguyên.
	08/1978 - 06/1982	Bộ đội, Tiểu đoàn 14, Sư đoàn 347, Quân đoàn 5.
	06/1982 - 06/1986	Sinh viên ngành Điện khí hóa, Trường ĐH CN Thái Nguyên.
	06/1986 - 11/1986	Chờ phân công công tác tại Đông Mỹ, Đông Hưng, Thái Bình.
	11/1986 - 02/1987	Cán bộ kỹ thuật, PX. Cơ điện, Mỏ than Đèo Nai.
	03/1987 - 10/1989	Cán bộ kỹ thuật, Công trường Xúc, mỏ than Đèo Nai.
	10/1989 - 04/1999	Đốc công, công trường Xúc, mỏ than Đèo Nai.
	05/1999 - 10/2001	Trưởng phòng Vật tư, mỏ than Đèo Nai.
	10/2001 - 12/2001	Trưởng phòng Vật tư, Công ty Than Đèo Nai
	01/2002 - 03/2007	Phó giám đốc, Công ty than Đèo Nai
	04/2007 - 10/2008	Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Giám đốc, Công ty CP Than Cao Sơn-TKV.
	11/2008 - 11/2009	Phó tổng giám đốc, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả
	12/2009 - 04/2010	Tổng giám đốc, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả, Ủy viên HĐQT Công ty
	04/2010 - 10/2011	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả, Phó bí thư Đảng ủy Công ty.
	10/2011 - 05/2013	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả -

		Vinacomin, Phó bí thư Đảng ủy Công ty.
	05/2013 - nay	Tổng giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin, Phó bí thư Đảng ủy Công ty.
♦	Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
♦	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
♦	Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không
2	Ông Vũ Xuân Trình	
♦	Chức danh	Phó tổng giám đốc
♦	Giới tính	Nam
♦	Ngày tháng năm sinh	10/06/1969
♦	Nơi sinh	Ninh Bình
♦	Dân tộc	Kinh
♦	Quốc tịch	Việt Nam
♦	Địa chỉ thường trú	Tổ 3, Khu I, phường Cẩm Thịnh, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
♦	Trình độ văn hóa	12/12
♦	Số CMND	164001687
♦	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công nghệ Nhiệt - ngành Nhiệt lạnh
♦	Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	Phó tổng giám đốc
♦	Quá trình công tác	
	12/1986-04/1988	Học nghề CNKT Điện Sóc Sơn Hà Nội
	12/1988-12/2003	Công nhân vận hành điện Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình
	01/2004-11/2005	Trưởng ca Vận hành-Tổ trưởng ca Công ty Nhiệt điện Ninh Bình
	12/2005-04/2006	Kỹ sư Nhiệt phòng Kỹ thuật 1-Ban QLDA, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả
	05/2006-06/2006	Phó phòng KT2 Ban QLDA nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả
	07/2006-03/2009	Phó phòng KT2, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả, kiêm phó phòng Ban QLDA

	03/2009-12/2009	Trưởng bộ phận Ban CBSX, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả
	01/2010-02/2010	Phụ trách Trung tâm Điều khiển sản xuất, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả
	02/2010-nay	Phó tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả,
♦	Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
♦	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
♦	Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không
3	Ông Dương Hồng Hải	
♦	Chức danh	Phó tổng giám đốc
♦	Giới tính	Nam
♦	Ngày tháng năm sinh	01/02/1966
♦	Nơi sinh	Quảng Ninh
♦	Dân tộc	Kinh
♦	Quốc tịch	Việt nam
♦	Địa chỉ thường trú	Tổ 8, Khu 3, phường Cẩm Thành, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
♦	Trình độ văn hóa	10/10
♦	Số CMND	100473819
♦	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí Ô tô
♦	Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	Phó tổng giám đốc
♦	Quá trình công tác	
	12/1983-04/1986	Học nghề s/c máy mỏ, Trường CNKT Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
	05/1986-08/1988	Thợ sửa chữa máy mỏ, PX. Máy mỏ, Nhà máy Cơ khí trung tâm Cẩm Phả
	09/1989-01/1990	Nhà máy cử đi thực tập tay nghề tại Liên Xô cũ
	02/1990-12/1998	Thợ máy, PX. Máy mỏ 1, Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
	01/1999-11/2000	Cán bộ, Phòng Hợp tác quốc tế, Công ty Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
	12/2000-05/2001	Cán bộ, Phòng Kỹ thuật, Công ty Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả

	05/2001-02/2003	Cán bộ, Phòng Thị trường, Công ty Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
	02/2003-12/2003	Độc công, Công trường Chế tạo thiết bị điện Na Dương, Công ty Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
	12/2003-07/2005	Cán bộ, Phòng Thị trường, Công ty chế tạo máy -TKV
	07/2005-09/2005	Công nghệ viên, PX. Kết cấu Xây lắp 2, Công ty chế tạo máy TKV
	09/2005-05/2006	Biên dịch viên, Phòng Biên dịch, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả
	06/2006 - 12/2009	Trưởng phòng Biên dịch, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả
	01/2010-09/2011	Quản đốc, PX. Nhiên liệu-Vận tải, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả.
	10/2011-05/2012	Quản đốc PX. Nhiên liệu-Vận tải, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả-Vinacomin.
	06/2012 - nay	Phó Tổng giám đốc, Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả -Vinacomin
♦	Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
♦	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
♦	Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không
4	Ông Nguyễn Trung Thực	
♦	Chức danh	Phó tổng giám đốc
♦	Giới tính	Nam
♦	Ngày tháng năm sinh	18/9/1978
♦	Nơi sinh	Thái Nguyên
♦	Dân tộc	Kinh
♦	Quốc tịch	Việt nam
♦	Địa chỉ thường trú	Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên
♦	Trình độ văn hóa	12/12
♦	Số CMND	090677575
♦	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện tự động hóa, Cử nhân Quản trị kinh doanh

♦	Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	Phó tổng giám đốc
♦	Quá trình công tác	
	07/2002 - 06/2003	Công nhân Kỹ thuật của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Lilama
	06/2003 - 04/2011	Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - Vinacomin
	05/2011 - 02/2013	Trưởng Ban Kỹ thuật, Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin
	03/2013 - 05/2013	Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin
	05/2013 - nay	Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin, Ủy viên HĐQT
♦	Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
♦	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
♦	Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

- Ngày 17/04/2014, ông Nguyễn Trung Thực thôi đảm nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty phụ trách công tác kỹ thuật theo Quyết định số 22/QĐ-NĐCP ngày 17/04/2014.

- Ngày 22 tháng 05 năm 2014 ông Nguyễn Trọng Hùng thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị sau Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

- Ngày 22 tháng 05 năm 2013 ông Phạm Xuân Phong đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT thay ông Nguyễn Trọng Hùng sau Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 .

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Đối tượng	Tổng số CBCNV đầu năm 2014	Số CBCNV tăng trong năm 2014	Số CBCNV giảm trong năm 2014	Tổng số CBCNV cuối năm 2014
Tổng số	727	33	40	720
Ban TGD	4		1	3

Đoàn thể	1			1
Phòng tổ chức LĐTL	13	1	1	13
Phòng kế hoạch đầu tư	5	1		6
Phòng kế toán tài chính	10			10
Phòng vật tư	14			14
Phòng hành chính QT	23		1	22
Phòng an toàn môi trường	4			4
Phòng bảo vệ quân sự	36	1	1	36
Phòng kỹ thuật	21		3	18
Phân xưởng Lò máy	165	19	18	166
Phân xưởng Điện	58	3	3	58
Phân xưởng vận tải	91	4	2	93
Phân xưởng nhiên liệu	70	1	1	70
Phân xưởng sửa chữa	119	1	8	112
Phân xưởng hóa	51		1	50
Phân xưởng đời sống	34	1		35
Trung tâm ĐK sản xuất	8	1		9

2.4. Chế độ chính sách đối với người lao động:

a) Chính sách tiền lương:

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế trả lương cho người lao động và tổ chức thực hiện, đảm bảo công bằng theo mức độ đóng góp của người lao động, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm hài hoà các lợi ích của Công ty và người lao động. Thu nhập bình quân người lao động trong công ty năm 2014 là 7 triệu đồng/người/tháng.

b) Quản trị nguồn nhân lực:

Công ty luôn trú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bố trí luân chuyển và bổ nhiệm một số cán bộ chủ chốt. Thay thế thiết bị và công nghệ, tối ưu hóa việc phân công lao động trong dây chuyền sản xuất để ít phải bổ sung nhân lực khi người lao động về hưu hoặc chuyển công tác. Luôn quan tâm thường xuyên đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

c) Chính sách khác:

Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động luôn có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, thể thao v.v.

Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng và ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi người lao động được hưởng cao hơn so với luật như:

- + Được Công ty xem xét ưu tiên cho thuê nhà, nếu chưa có nhà để ở;
- + Thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất, thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc xét cho nghỉ công tác để tham quan du lịch và học tập trong và ngoài nước;

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

• Các khoản đầu tư lớn:

Tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản tương đương tiền đến cuối năm 2014 là: 6,28 tỷ đồng.

• Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	9.423.632	8.803.054	-6,58
2	Doanh thu thuần	3.561.037	4.329.080	21,57
3	Lợi nhuận từ HĐKD	153.245	55.040	-64,08
4	Lợi nhuận khác	1.026	-11.786	-1.048,73
5	Lợi nhuận trước thuế	154.271	31.908	-71,96
6	Lợi nhuận sau thuế	154.271	31.908	-71,96
7	Tỷ lệ lợi nhuận để trả cổ tức	0	0	0

(Nguồn BCTC hợp nhất CPC đã kiểm toán năm 2013, 2014)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,79	0,77	
-	Hệ số thanh toán nhanh	0,69	0,67	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,84	0,82	

-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	5,07	4,55	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	21,59	29,67	
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,38	0,49	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	0,0433	0,0074	
-	Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,0993	0,0201	
-	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,01637	0,00362	
-	Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,043	0,010	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là 196.980.622 (Một trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn, sáu trăm hai mươi hai) cổ phần phổ thông.
- b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông tại ngày 18/3/2015 (Theo danh sách chốt cổ đông ngày 18/3/2015 do TTLKCK Việt Nam cung cấp - ngày chốt danh sách để đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015) như sau:

STT	Nội dung	Số nhà đầu tư	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %
I	Phân loại theo tỷ lệ sở hữu			
-	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	1	168.910.167	85,75
-	Cổ đông nhỏ ($< 5\%$)	372	28.070.456	14,25
II	Phân loại theo chủ thể sở hữu			
-	Cá nhân	362	7.248.000	3,68
-	Tổ chức	11	189.732.622	96,32
-	Trong nước	373	196.980.622	100
-	Nước ngoài	0	0	0
-	Cổ đông nhà nước	10	189.712.622	96,31
-	Cổ đông khác	363	7.268.000	3,69

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
- e) Các chứng khoán khác: Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2014, sản lượng điện do Công ty sản xuất được là 3 tỷ 266 triệu kWh điện và bằng 97,2 % kế hoạch. Công ty chỉ đạt được sản lượng điện như trên là do

nhu cầu phụ tải điện năm 2014 thấp và EVN ưu tiên tối đa phát điện từ các nhà máy thủy điện phát công suất cao tại các nguồn thủy điện và huy động phát công suất thấp các nhà máy nhiệt điện. Lợi nhuận trước thuế năm 2014 của Công ty đạt được là 43,69 tỷ đồng.

- Những tiên bộ công ty đã đạt được:

- + Sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng và bắt đầu sản xuất điện đến nay Công ty đã sắp xếp lại mô hình tổ chức, bố trí lại lao động hợp lý và phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- + Công ty đã xây dựng và dần hoàn thiện các Quy chế trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của Công ty.

- + Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng lên rõ rệt, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với Công ty.

- Các biện pháp kiểm soát:

- + Tăng cường công tác tự kiểm tra và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa.

- + Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Trong năm 2014 tài sản của công ty có sự biến động cụ thể như sau: tổng tài sản đầu năm là 9.423,63 tỷ đồng, tổng tài sản cuối năm là 8.803,05 tỷ đồng giảm 620,58 tỷ đồng. Sự biến động đó làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Sự biến động của tài sản là do:

- Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 7 tỷ đồng. Bên cạnh việc tiền và các khoản tương đương tiền giảm thì các khoản phải thu ngắn hạn tăng mà chủ yếu là từ khoản phải thu của khách hàng mua điện tăng 13 tỷ đồng. Điều đó làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty do bị chiếm dụng dụng vốn, do đó khả năng quay vòng vốn không cao. Hàng tồn kho giảm 5 tỷ đồng so với năm 2013, hàng tồn kho giảm đồng nghĩa với việc giảm ứ đọng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tài sản dài hạn trong năm 2014 giảm 625 tỷ, trong đó tài sản cố định hữu hình giảm 550 tỷ và chi phí trả trước dài hạn giảm 88 tỷ. Việc tài sản cố định trong năm giảm là do giá trị khấu hao lũy kế tính đến năm 2014 đã tăng lên.

b) Tình hình nợ phải trả

Hiện tại Công ty có khoản nợ ngắn hạn là 1.286 tỷ đồng và nợ dài hạn là 5.931 tỷ đồng. Tổng nợ phải trả của Công ty vào cuối năm 2014 giảm 8,3 % so với cùng kỳ năm 2013.

Đối với Công ty, nợ phải trả có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là các khoản nợ có gốc ngoại tệ (USD) cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả 1 và 2 bao gồm nợ phải trả nhà thầu nước ngoài HEI và các khoản vay ngoại tệ. Những biến động về tỷ giá giữa đồng Đôla Mỹ và VND là khó kiểm soát trong năm 2014, tạo khó khăn cho công ty trong kế hoạch điều hành cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2014, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng nhân viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó làm tăng doanh thu và lợi nhuận từ sản xuất điện.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Sau khi đã xem xét toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thống nhất đánh giá thực trạng công tác quản lý điều hành năm 2014 như sau:

- Công tác điều hành năng động, các mặt quản lý ngày càng hoàn thiện và nâng cao, sản lượng điện sản xuất đảm bảo đáp ứng được sản lượng theo hợp đồng CfD; góp phần vào đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia;

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 ổn định, hiệu quả. Sản lượng điện sản xuất đạt: 3,266 tỷ kWh, đạt 97,2 % so với kế hoạch; Doanh thu từ sản xuất điện: 4.329 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 3,24 tỷ đồng. Tổng doanh thu 4.332,24 tỷ đồng đạt 111,50 % so với kế hoạch; Tổng lợi nhuận trước thuế: 43,69 tỷ đồng, đạt 67,31 % so với kế hoạch;

- Công tác đầu tư tài chính linh hoạt, cố gắng nhiều nên Doanh thu tài chính năm 2014 là tốt;

- Lưu ý giám sát việc xuất nhập hàng hoá, vật tư thiết bị, tránh để tình trạng làm gia tăng giá trị của hàng tồn kho; xây dựng danh mục các vật tư thiết bị là hàng dự phòng chiến lược;

- Lưu ý việc khai thác các sản phẩm phụ (tro xỉ) đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;
- Ban điều hành cần chủ động trong thời gian tới về vấn đề nhân lực.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty:

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất của Công ty, đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đưa ra là phát triển bền vững, ổn định và hiệu quả, từng bước mở rộng hoạt động và kinh doanh có lãi. Ban Tổng Giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược sản xuất kinh doanh trước mọi diễn biến của thị trường.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng quản trị sẽ bám sát và chỉ đạo để Ban điều hành thực hiện một số vấn đề trọng tâm như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, ổn định và hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật vượt mức kế hoạch được giao;
- Phân đầu tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó góp phần làm tăng doanh thu sản xuất điện;
- Sử dụng nguồn tài chính của Công ty một cách hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn bền vững.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Xuân Phong - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Đắc Lâm - Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Xuân Trinh - Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Thường - Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Minh Thắng - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
I	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành		

1	Phạm Xuân Phong	0	Phó tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - Vinacomin
2	Ngô Minh Thắng	0	Trưởng ban lao động tiền lương Tổng công ty Điện lực - Vinacomin
II	Thành viên HĐQT khác	0	
1	Phạm Đắc Lâm	0	
2	Vũ Xuân Trình	0	
3	Phạm Văn Thường	0	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Năm 2014, Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc cũng được thực hiện qua Báo cáo hoạt động của TGD gửi các thành viên HĐQT hàng tháng.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày tháng	Nội dung
1	Số: 03/BC-NĐCP	23/01/2014	V/v “Báo cáo tình hình Quản trị Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin”
2	Số: 07/QĐ-NĐCP	21/2/2014	V/v “Phê duyệt hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công và Dự toán khu cán bộ CN điều hành sản xuất – Dự án NMNĐCP”
3	Số: 08/QĐ-NĐCP	21/2/2014	V/v “Phê duyệt điều chỉnh nội dung KHĐT gói thầu 19 Xây dựng khu điều hành sản xuất – Dự án NMNĐCP”
4	Số: 10/NQ-NĐCP	07/3/2014	V/v “thay đổi thiết bị nạp điện bổ sung thiết bị chống cháy trong hợp đồng EPC số 02/2007”
5	Số: 14/QĐ-NĐCP	17/3/2014	V/v “Triển khai công việc phục vụ lập dự án ĐTXD công trình bãi thải xỉ 2 NMNĐCP”

6	Số: 22/QĐ-NĐCP	17/4/2014	V/v “Ông Thực thôi giữ chức vụ Phó TGD Công ty”
7	Số: 24/BB-HĐQT	28/4/2014	Biên bản họp Hội đồng quản trị công ty
8	Số: 26/QĐ-NĐCP	29/4/2014	V/v “Phê duyệt kết quả gói thầu số 19 Xây dựng khu CBCN điều hành sản xuất – Dự án NMNĐCP”.
9	Số: 28/QĐ-NĐCP	29/4/2014	Vv “Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu năm 2014 và thông qua hình thức lựa chọn nhà thầu tư vấn và đại lý phát hành”
10	Số: 35/QĐ-NĐCP	21/5/2014	Vv “Phê duyệt kết quả lựa chọn Tổ chức tư vấn phát hành và Đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp năm 2014 ”
11	Số: 37/QĐ-NĐCP	29/5/2014	Vv “Phê duyệt KHSXKD và ĐTXD năm 2014 Công ty”
12	Số: 40/QĐ-NĐCP	05/6/2014	Vv “Ban hành Quy chế Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc trong Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin”
13	Số: 44/QĐ-NĐCP	10/7/2014	Vv “Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất Dự án Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả”
14	Số: 45/BC-NĐCP	17/7/2014	V/v “Báo cáo tình hình Quản trị 6 tháng năm 2014 Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin”
15	Số: 46/BB-HĐQT	09/8/2014	Biên bản họp Hội đồng quản trị công ty
16	Số: 47/QĐ-NĐCP	10/8/2014	Vv “Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Công ty”
17	Số: 48/QĐ-NĐCP	10/8/2014	V/v “Phê duyệt Báo cáo tài chính của Công ty”
18	Số: 48a/BB-HĐQT	13/8/2014	Biên bản họp Hội đồng quản trị

			Công ty về việc sửa chữa tua bin S2.
19	Số: 49/QĐ-NĐCP	13/8/2014	V/v “Phê duyệt dự toán Sửa chữa đột xuất tổng thể tua bin S2 NMND Cẩm Phả ”
20	Số: 49a/BB-HĐQT	15/8/2014	Biên bản họp Hội đồng quản trị về việc Phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu sửa chữa tua bin S2.
21	Số: 50/QĐ-NĐCP	15/8/2014	V/v “Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Sửa chữa đột xuất tổng thể tua bin S2 NMND Cẩm Phả ”
22	Số: 52/QĐ-NĐCP	10/10/2014	V/v “Ban hành Quy chế quản lý lao động, tiền lương” Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin
23	Số: 53/QĐ-NĐCP	10/10/2014	V/v “ Phê duyệt dự toán vận chuyển tro xỉ của Nhà máy NĐCP”
24	Số: 54/QĐ-NĐCP	11/10/2014	V/v “ Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu vận chuyển tro xỉ của Nhà máy NĐCP”
25	Số: 58/QĐ-NĐCP	28/10/2014	V/v “Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Bảo hiểm cháy nổ và các rủi ro đặc biệt của Nhà máy NĐCP”
26	Số: 62/QĐ-NĐCP	11/11/2014	V/v “Phê duyệt kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2014 Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả”
27	Số: 66/QĐ-NĐCP	27/11/2014	V/v “Ban hành Quy chế quản trị Công ty”
28	Số: 68/QĐ-NĐCP	27/11/2014	V/v “Bổ nhiệm lại Tổng giám đốc Công ty”
29	Số: 69/BB-HĐQT	05/12/2014	Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty
30	Số: 19/BB-ĐHĐCĐ	22/5/2014	Biên bản Đại hội cổ đông thường niên năm 2014.
31	Số: 20/NQ-ĐHĐCĐ	22/5/2014	Nghị quyết Đại hội cổ đông

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần hiện nay có hai (02) thành viên độc lập là ông Phạm Xuân Phong và ông Ngô Minh Thắng. Ông Phạm Xuân Phong hiện là Phó tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - Vinacomin, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực quản lý công tác kỹ thuật vận hành các nhà máy nhiệt điện. Ông Ngô Minh Thắng hiện là Trưởng ban lao động tiền lương Tổng công ty Điện lực - Vinacomin, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực tổ chức lao động và công tác quản lý tiền lương. Các thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp tích cực và xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất hoạt động của Công ty.

e) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia khóa học về Quản trị Doanh Nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát: Ban kiểm soát gồm 3 thành viên như sau:

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Bà Nguyễn Thị Hà	0	Trưởng ban tài chính Tổng công ty Điện lực - Vinacomin
2	Bà Lưu Thị Minh Thanh	0	Phó ban kế toán Tổng công ty Điện lực - Vinacomin
3	Bà Đặng Thị Bảo Thái	0	

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 123 - Luật doanh nghiệp năm 2005 và Điều 33 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin;

- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc và Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, việc thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính trung thực, mức độ cần trọng trong quản lý,

điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2014 của Ban lãnh đạo Công ty, việc tuân thủ điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty;

- Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty năm 2014;

- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

a) Thù lao của thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát của Công ty năm 2014:

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin đã chi trả tiền lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty; tiền thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty năm 2014 cụ thể như sau :

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương và thù lao thực lĩnh năm 2014
1	Phạm Xuân Phong	Chủ tịch HĐQT	38.000.000
2	Phạm Đắc Lâm	Tổng giám đốc	478.645.368
3	Vũ Xuân Trinh	UV HĐQT	381.859.364
4	Phạm Văn Thường	UV HĐQT	361.109.720
5	Nguyễn Trung Thực	UV HĐQT	152.241.569
6	Ngô Minh Thắng	UV HĐQT	55.200.000
7	Nguyễn Thị Hà	Trưởng BKS	55.200.000
8	Lưu Thị Minh Thanh	UV BKS	50.400.000
9	Đặng Thị Bảo Thái	UV BKS	50.400.000

b) Giao dịch Cổ phiếu cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Hội đồng Quản trị Công ty trong những năm qua đã hoàn thành tốt trách nhiệm theo quy định trong Điều lệ của Công ty và pháp luật của Nhà nước.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được lập ngày 20 tháng 03 năm 2015, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 34 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Cẩm Phả - Vinacomin, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Nguyễn Hồng Quang
Phó Giám đốc CN Hà Nội
Số Giấy CNDKHN: 0576-2013-009-1

Trần Đình Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN: 1788-2013-009-1

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nội dung chi tiết Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014 được nêu tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Phòng KTTC;
- Lưu văn thư.

Đại diện theo pháp luật của Công ty *Ne*
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Lâm

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		986.676.204.821	982.440.938.402
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.286.833.890	13.101.565.232
Tiền	111		6.286.833.890	13.101.565.232
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		855.460.870.590	842.179.318.152
Phải thu khách hàng	131		844.455.399.539	831.039.210.716
Trả trước cho người bán	132		473.540.000	909.250.141
Các khoản phải thu khác	135	5.2	10.604.591.051	10.230.857.295
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(72.660.000)	-
Hàng tồn kho	140		122.884.245.121	127.068.808.190
Hàng tồn kho	141	5.3	122.884.245.121	127.068.808.190
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.044.255.220	91.246.828
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	154	5.4	2.044.255.220	91.246.828
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.816.378.156.391	8.441.191.438.649
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		7.693.511.300.210	8.230.478.579.435
TSCĐ hữu hình	221	5.5	7.679.392.326.399	8.229.316.727.726
- Nguyên giá	222		10.236.410.694.334	10.245.972.393.868
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(2.557.018.367.935)	(2.016.655.666.142)
TSCĐ vô hình	227	5.6	-	14.666.680
- Nguyên giá	228		88.000.000	88.000.000
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(88.000.000)	(73.333.320)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.7	14.118.973.811	1.147.185.029
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		122.866.856.181	210.712.859.214
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	122.866.856.181	210.712.859.214
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.803.054.361.212	9.423.632.377.051

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.217.761.612.574	7.870.248.611.678
Nợ ngắn hạn	310		1.286.003.029.053	1.248.940.114.920
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	171.350.000.785	-
Phải trả người bán	312		947.279.147.455	1.131.127.919.452
Người mua trả tiền trước	313		79.753.775	143.278.995
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	16.333.548.445	4.543.069.488
Phải trả người lao động	315		16.953.890.745	9.579.668.195
Chi phí phải trả	316	5.11	127.154.009.321	97.047.444.831
Phải trả nội bộ	317		-	249.690.849
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	3.550.357.148	3.680.685.995
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.302.321.379	2.568.357.115
Nợ dài hạn	330		5.931.758.583.521	6.621.308.496.758
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	5.13	5.931.758.583.521	6.621.308.496.758
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.585.292.748.638	1.553.383.765.373
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	1.585.292.748.638	1.553.383.765.373
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(384.513.474.244)	(416.422.457.509)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.803.054.361.212	9.423.632.377.051

ĐX.M.S.C.N.V

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		355,08	749,69
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

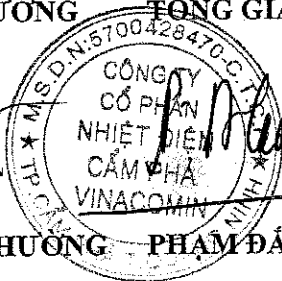
NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ DUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM VĂN THƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM ĐẮC LÂM

0044
C
TRÁCH
KII
IFC
CF
NH

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.329.080.060.371	3.561.037.522.543
Các khoản giảm trừ	02	6.2	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	4.329.080.060.371	3.561.037.522.543
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	3.646.234.073.972	2.727.192.013.967
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		682.845.986.399	833.845.508.576
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	3.244.941.768	8.169.439.089
Chi phí tài chính	22	6.6	597.989.179.817	653.783.489.099
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		406.464.820.150	444.029.575.591
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		44.405.943.141	34.986.200.303
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.695.805.209	153.245.258.263
Thu nhập khác	31		4.326.500.423	2.788.989.916
Chi phí khác	32		16.113.322.367	1.763.175.946
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(11.786.821.944)	1.025.813.970
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.908.983.265	154.271.072.233
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		31.908.983.265	154.271.072.233
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	161,99	783,18

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

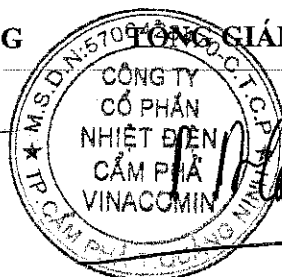
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Am

T ba



NGUYỄN THỊ DUNG

PHẠM VĂN THƯỜNG

PHẠM ĐẮC LÂM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
Thuế	10	4.451.822.660	141.471.442.800	131.633.972.235	14.289.293.225
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	4.398.026.888	122.275.130.305	110.933.635.071	15.739.522.122
Thuế GTGT hàng NK	12	-	2.718.163.144	2.718.163.144	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	7.731.126.946	7.731.126.946	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	16	145.042.600	3.564.074.653	3.296.804.790	412.312.463
Thuế Nhà đất	17	(1.010.866.374)	56.067.124	48.299.385	(1.003.098.635)
Tiền thuê đất	18	1.003.098.635	1.398.015.925	1.216.302.065	1.184.812.495
Các khoản thuế khác	19	(83.479.089)	3.728.864.703	5.689.640.834	(2.044.255.220)
Thuế môn bài		-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân		(83.479.089)	(367.123.164)		(450.602.253)
Các loại thuế khác		-	4.092.987.867	5.686.640.834	(1.593.652.967)
Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	4.451.822.660	141.471.442.800	131.633.972.235	14.289.293.225

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC









NGUYỄN THỊ DUNG

PHẠM VĂN THƯỜNG

PHẠM ĐỨC LÂM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	31.908.983.265	154.271.072.233
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	540.199.867.737	541.125.999.898
Các khoản dự phòng	03	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	69.238.542.138	90.181.585.693
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.244.839.400)	(8.169.272.083)
Chi phí lãi vay	06	406.464.820.150	444.029.575.591
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.044.567.373.890	1.221.438.961.332
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(15.307.220.830)	(233.591.765.138)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	4.184.563.069	(29.059.500.116)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	130.377.608.564	176.688.428.952
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	87.846.003.033	123.039.677.981
Tiền lãi vay đã trả	13	(379.274.731.778)	(363.541.069.306)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.094.996.000	2.472.400.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.183.531.000)	(1.435.380.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	873.305.060.948	896.011.753.205
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(293.543.624.296)	(2.422.155.561)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.244.839.400	8.169.272.083
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(290.298.784.896)	5.747.116.522
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.204.750.243.671	44.535.769.320
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.794.571.353.433)	(941.248.860.083)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(589.821.109.762)	(896.713.090.763)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(6.814.833.710)	5.045.778.964
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.101.565.232	8.055.619.262
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	102.368	167.006
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.286.833.890	13.101.565.232

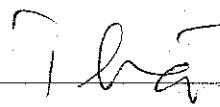
Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC







NGUYỄN THỊ DUNG

PHẠM VĂN THƯƠNG

PHẠM ĐẮC LÂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04/11/2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 4, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/07/2012 với mã số doanh nghiệp là 5700428470.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống Quốc gia.

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 720 người, trong đó số cán bộ quản lý là 49 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam đặc thù áp dụng cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

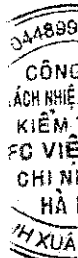
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại theo hướng dẫn tại Công văn số 06/TKV-KT ngày 05/1/2014 của Vinacomin về việc “Thông báo tỷ giá hạch toán” của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là 21.380 VND/USD.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ không phải là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí sản xuất, kinh doanh, thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

001-C
TỶ
HỮU HẠN
SẢN
NAM
NH
DI
-TPV

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, CCDC Nhập trước, xuất trước
- Sản phẩm dở dang Chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.6 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.7 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phản chênh lệch tương ứng. Chi phí phải trả của Công ty chủ yếu là tiền lãi vay phải trả.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần là thay đổi lần 4 ngày 27/07/2012 là 2.179.900.000.000 đồng.

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các cổ đông và số vốn thực góp của các cổ đông tại ngày 31/12/2014 như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (theo vốn điều lệ)	Vốn thực góp tại ngày 31/12/2014 (VND)
- Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin	82% vốn điều lệ	1.757.179.069.334
- Công ty CP Than Cọc 6	02% vốn điều lệ	43.598.000.000
- Công ty CP Than Tây nam Đá Mài	01% vốn điều lệ	21.799.000.000
- Công ty CP Than Đèo Nai	01% vốn điều lệ	21.799.000.000
- Công ty CP Than Cao Sơn	01% vốn điều lệ	21.799.000.000
- Công ty CP Than Mông Dương	01% vốn điều lệ	21.799.000.000
- Tổng Công ty XD công nghiệp Việt Nam	12% vốn điều lệ	81.833.153.548
Cộng	100% vốn điều lệ	1.969.806.222.882

0044
CỔ
TRÁCH
KIẾ
FC
CH
NH X

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.9 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa vào sản lượng điện trên biên bản chốt chỉ số công tơ điện và giá điện được tính toán kết hợp dựa theo hợp đồng số 06/2012/HĐ-NMD - CP ngày 21/6/2012 (Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2) ký giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin và giá của thị trường phát điện cạnh tranh.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, được ghi nhận dựa trên thông báo của ngân hàng.

4.10 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá.

4.11 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm điện của Công ty là 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động, được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

95-
IG 7
EM H
TO
ET
NHÀ
NỘ
AN-

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.12 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

1-C
HẠN
N
AM
H
P.H.P

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	229.047.479	212.151.945
Tiền gửi ngân hàng (ii)	6.057.786.411	12.889.413.287
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	6.286.833.890	13.101.565.232
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2014 bao gồm:		VND
Đồng Việt Nam		229.047.479
Ngoại tệ		-
Cộng		229.047.479
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2014 bao gồm:	USD	VND
Đồng Việt Nam		
Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam Chi nhánh Cẩm Phả		797.600.357
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Cẩm Phả		6.022.821
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Quảng Ninh		419.972.082
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		1.246.952.265
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội		3.579.647.275
Ngoại tệ		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Quảng Ninh	331,37 #	7.084.691
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Cẩm Phả	23,71 #	506.920
Cộng	355,08	6.057.786.411

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Thuế GTGT tạm nhận nợ với Cty TNHH Công trình Điện Cấp Nhĩ Tân	3.835.791.547	4.545.496.440
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	6.677.559.640	5.236.714.365
Phải thu người lao động	11.625.622	110.616.017
Bảo hiểm nộp thừa	78.290.648	274.916.105
Phải thu khác	1.323.594	63.114.368
Cộng	10.604.591.051	10.230.857.295

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	98.616.931.070	102.611.103.174
Công cụ dụng cụ	24.267.314.051	24.457.705.016
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	122.884.245.121	127.068.808.190

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Thuế thu nhập cá nhân	450.602.253	83.479.089
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	7.767.739
Thuế nhà thầu	1.593.652.967	-
Cộng	2.044.255.220	91.246.828

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.5 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	1.950.879.539.721	8.235.770.168.254	53.926.627.567	2.131.967.271	3.264.091.055	10.245.972.393.868
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	7.100.997.082	9.209.100	-	384.535.715	7.494.741.897
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(2.282.343.002)	(14.774.098.429)	-	-	-	(17.056.441.431)
Số dư cuối năm	1.948.597.196.719	8.228.097.066.907	53.935.836.667	2.131.967.271	3.648.626.770	10.236.410.694.334
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	207.506.631.810	1.793.243.647.971	13.719.039.936	712.272.945	1.474.073.480	2.016.655.666.142
- Khấu hao trong năm	54.361.365.996	479.167.503.567	5.393.276.673	391.256.772	871.798.049	540.185.201.057
- Hao mòn trong năm	177.500.736	-	-	-	-	177.500.736
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	262.045.498.542	2.272.411.151.538	19.112.316.609	1.103.529.717	2.345.871.529	2.557.018.367.935
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	1.743.372.907.911	6.442.526.520.283	40.207.587.631	1.419.694.326	1.790.017.575	8.229.316.727.726
Tại ngày cuối năm	1.686.551.698.177	5.955.685.915.369	34.823.520.058	1.028.437.554	1.302.755.241	7.679.392.326.399
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay						7.679.392.326.399
- NG tài sản hết KH nhưng vẫn còn sử dụng						-
- NG tài sản chờ thanh lý						-

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.6 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	88.000.000	88.000.000
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	88.000.000	88.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	-	73.333.320	73.333.320
- Khấu hao trong năm	-	14.666.680	14.666.680
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	88.000.000	88.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	14.666.680	14.666.680
Tại ngày cuối năm	-	-	-

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án Cẩm Phả 1	14.118.973.811	597.155.416
Dự án Cẩm Phả 2	-	550.029.613
Cộng	14.118.973.811	1.147.185.029

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.901.156.998	2.921.452.404
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	19.933.333.333	-
Lỗ CLTG trong giai đoạn đầu tư XDCH	97.032.365.850	207.791.406.810
Cộng	122.866.856.181	210.712.859.214

5.9 Vay ngắn hạn

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Vay ngắn hạn	171.350.000.785	-
Ngân hàng Ngoại thương	100.000.000.000	-
Vay ngắn hạn Tập đoàn	71.350.000.785	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	171.350.000.785	-

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	15.739.522.122	4.398.026.888
Thuế tài nguyên	412.312.463	145.042.600
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	181.713.860	-
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	16.333.548.445	4.543.069.488

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Chi phí sửa chữa thuê ngoài	-	620.500.000
Trích trước chi phí lãi vay	121.166.467.246	92.589.892.618
Lãi chậm trả tiền than	1.345.921.066	-
Chi phí phải trả khác	4.641.621.009	3.837.052.213
Cộng	127.154.009.321	97.047.444.831

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Kinh phí công đoàn	32.658.816	12.361.509
Kinh phí hoạt động công tác đảng	55.284.561	101.365.185
Công đoàn phí	39.385.766	43.533.517
Quỹ hỗ trợ người lao động đóng	209.418	81.499.774
Thưởng vận hành an toàn ngành điện	3.333.878.909	3.427.326.010
Các khoản phải trả, phải nộp khác	88.939.678	14.600.000
Cộng	3.550.357.148	3.680.685.995

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.13 Vay và nợ dài hạn

		31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Vay dài hạn		5.931.758.583.521	6.621.308.496.758
Vay ngân hàng	(i)	1.853.170.933.266	2.074.012.470.390
- Ngân hàng Ngoại Thương		1.540.508.869.266	1.823.103.620.259
- Ngân hàng Hàng Hải		175.162.064.000	250.797.641.000
- Ngân hàng Đầu tư & PT		-	111.209.131
- Ngân hàng Công Thương		137.500.000.000	-
Vay Tổng Công ty	(ii)	3.628.587.650.255	4.547.296.026.368
Trái phiếu phát hành	(iii)	450.000.000.000	-
Nợ dài hạn		-	-
Cộng		5.931.758.583.521	6.621.308.496.758

(i) Số dư tiền vay Ngân hàng tại 31/12/2014 bao gồm:

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam bao gồm 01 hợp đồng với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 72.053.735,70 USD tương đương 1.540.508.869.266 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả cho năm 2015 là 14.410.747,12 USD tương đương 308.101.773.426 VND) theo lãi suất Libor 6 tháng + lãi biên không quá 3.50%/năm, thời hạn vay 10 năm. Hình thức đảm bảo tiền vay : thế chấp tài sản;
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam bao gồm 01 hợp đồng có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 8.192.800,00 USD tương đương 175.162.064.000 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả cho năm 2015 là 3.701.800 USD tương đương 79.144.484.000 VND) với lãi suất vay áp dụng theo phương pháp thả nổi được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên, thời hạn vay 10 năm. Hình thức đảm bảo tiền vay : thế chấp tài sản;
- Khoản vay Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam, Chi nhánh Cẩm Phả bao gồm 01 hợp đồng có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 137.500.000.000 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả cho năm 2015 là 22.000.000.000 VND) với lãi suất là lãi suất bình quân huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của đồng VND niêm yết tại 04 Ngân hàng thương mại Nhà nước + biên độ 3,3%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay : thế chấp tài sản.

(ii) Số dư tiền vay Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin tại 31/12/2014 bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 02/2010/DLTKV CP2 ngày 30/11/2010 có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 394.017.400.000 VND với lãi suất vay là 9,9%/kỳ và có thời hạn vay là 07 năm. Hình thức đảm bảo tiền vay : thế chấp tài sản;
- Hợp đồng tín dụng số 03/2010/DLTKV CP2 ngày 30/11/2010 có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 116.671.386.165 VND với lãi suất vay là 9,9%/năm (được điều chỉnh theo quy định của Tổng Công ty theo từng thời kỳ), thời hạn vay là 07 năm. Hình thức đảm bảo tiền vay : thế chấp tài sản;

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Hợp đồng tín dụng số 01/2010/DLTKV CP1 ngày 30/11/2010 với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 133.834.030,35 USD tương đương 2.861.371.568.669 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong cho năm 2015 là 21.462.670,03 USD tương đương 458.871.885.241 VND) với lãi suất vay là 6,05%/năm (lãi suất cố định), thời hạn vay 10 năm. Hình thức đảm bảo tiền vay : thế chấp tài sản;
- Hợp đồng tín dụng số HĐ 04/2010/DLTKV CP1 ngày 30/11/2010 với số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 256.527.295.421 đồng với lãi suất vay là 9,9%/năm (được điều chỉnh theo quy định của Tổng Công ty theo từng thời kỳ), thời hạn vay là 07 năm. Hình thức đảm bảo tiền vay : thế chấp tài sản.

(iii) Trái phiếu phát hành:

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin đã thực hiện phát hành trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 450.000.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi tỷ đồng) đảm bảo bằng tài sản, đáo hạn vào năm 2019. Các trái phiếu được phát hành được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ và mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Toàn bộ trái phiếu Công ty phát hành được bán hết cho Ngân hàng Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam theo hợp đồng số 01/2014/HĐĐT/TP/VCB-CAMPHA ngày 26/6/2014. Trái phiếu được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 27/6/2014 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 27/6/2019 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 27/6 và ngày 27/12 hàng năm, với mức lãi suất bằng tổng của 3,3%/ năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố tại 04 ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam (Sở giao dịch 1), Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam (chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch 1) tại ngày xác định lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.14 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm trước	1.969.658.929.882	-	-	(570.693.529.742)	1.399.112.693.140
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	154.271.072.233	154.271.072.233
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm này	1.969.806.222.882	-	-	(416.422.457.509)	1.553.383.765.373
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	31.908.983.265	33.254.904.331
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.969.806.222.882	-	-	(384.513.474.244)	1.585.292.748.638

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	1.757.179.069.334	1.689.101.666.334
Vốn góp của đối tượng khác	212.627.153.548	280.704.556.548
Cộng	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Vốn góp đầu năm	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.329.080.060.371	3.561.037.522.543
Doanh thu bán điện	4.329.080.060.371	3.561.037.522.543

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-

6.3 Doanh thu thuần

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	4.329.080.060.371	3.561.037.522.543
Doanh thu thuần bán điện	4.329.080.060.371	3.561.037.522.543

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	3.646.234.073.972	2.727.192.013.967
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	3.646.234.073.972	2.727.192.013.967

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.244.839.400	8.169.272.083
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	102.368	167.006
Cộng	3.244.941.768	8.169.439.089

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Chi phí lãi vay	406.464.820.150	444.029.575.591
Phí đại lý phát hành trái phiếu 2014	4.500.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	116.439.794.095	119.572.327.815
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	69.238.644.506	90.181.585.693
Chi phí tài chính khác	1.345.921.066	-
Cộng	597.989.179.817	653.783.489.099



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	31.908.983.265	154.271.072.233
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	31.908.983.265	154.271.072.233
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	196.980.622	196.980.622
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	161,99	783,18

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.016.458.489.364	2.099.848.368.185
Chi phí nhân công	77.991.227.030	70.569.789.310
Chi phí khấu hao TSCĐ	540.199.867.737	541.125.999.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.662.355.721	31.293.106.894
Chi phí khác bằng tiền	638.430.579.445	674.887.615.028
Cộng	4.304.742.519.297	3.417.724.879.315

6.9 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<u>Ngày 31/12/2014</u>			
<u>Giá trị ghi sổ:</u>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.286.833.890	-	6.286.833.890
Phải thu khách hàng	844.455.399.539	-	844.455.399.539
Phải thu khác	11.078.131.051	-	11.078.131.051
<u>Trừ:</u>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(72.660.000)	-	(72.660.000)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Tổng cộng	861.747.704.480	-	861.747.704.480
<u>Ngày 31/12/2014</u>			
Các khoản vay và nợ	1.039.468.143.452	5.063.640.440.854	6.103.108.584.306
Phải trả người bán	947.279.147.455	-	947.279.147.455
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	164.071.559.434	-	164.071.559.434
Tổng cộng	2.150.818.850.341	5.063.640.440.854	7.213.113.370.129
<u>Chênh lệch thanh khoản thuần</u>	<u>(1.289.071.145.861)</u>	<u>(5.063.640.440.854)</u>	<u>(6.352.711.586.715)</u>
<u>Ngày 01/01/2014</u>			
<u>Giá trị ghi sổ:</u>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.101.565.232	-	13.101.565.232
Phải thu khách hàng	831.039.210.716	-	831.039.210.716
Phải thu khác	11.140.107.436	-	11.140.107.436
<u>Trừ:</u>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự Phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Tổng cộng	855.280.883.384	-	855.280.883.384
<u>Ngày 01/01/2014</u>			
Các khoản vay và nợ	1.051.267.871.803	5.570.040.624.955	6.621.308.496.758
Phải trả người bán	1.131.127.919.452	-	1.131.127.919.452
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	115.243.838.353	-	115.243.838.353
Tổng cộng	2.297.572.274.840	5.570.040.624.955	7.867.680.254.563
<u>Chênh lệch thanh khoản thuần</u>	<u>(1.442.358.746.224)</u>	<u>(5.570.040.624.955)</u>	<u>(7.012.399.371.179)</u>

48995
CÔNG
H NHIỆM
ỀM T
VIỆ
HỊ NH
HÀ N
XUÂN

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-
<i>Phải thu khách hàng</i>	844.455.399.539	831.039.210.716	844.382.739.539	831.039.210.716
<i>Các khoản PT khác</i>	11.078.131.051	11.140.107.436	11.078.131.051	11.140.107.436
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	6.286.833.890	13.101.565.232	6.286.833.890	13.101.565.232
Tổng cộng	861.820.364.480	855.280.883.384	861.747.704.480	855.280.883.384

Nợ phải trả tài chính

<i>Vay và nợ</i>	6.103.108.584.306	6.621.308.496.758	6.103.108.584.306	6.621.308.496.758
<i>Phải trả người bán</i>	947.279.147.455	1.131.127.919.452	947.279.147.455	1.131.127.919.452
<i>Phải trả khác</i>	164.071.559.434	115.243.838.353	164.071.559.434	115.243.838.353
Tổng cộng	7.214.459.291.195	7.867.680.254.563	7.214.459.291.195	7.867.680.254.563

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01/01/2014 và ngày 31/12/2014. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

6.10 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chính là phát điện cho hệ thống điện Quốc gia (bán toàn bộ điện cho Công ty mua bán điện). Do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng doanh thu của Công ty phát sinh hoàn toàn tại Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

VIỆN
C
H
N
N
H
P H

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin, các đơn vị trong nội bộ Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn Vinacomin được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Thu nhập trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của các thành viên của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

- Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Tổng giám đốc	1.516.000.000
- Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	593.796.000
Tổng cộng	2.109.796.000

Chi tiết giao dịch và số dư về các bên liên quan được thể hiện chi tiết tại các Bảng kê đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Bảng kê vật tư hàng hóa, than và dịch vụ mua nội bộ Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 02: Bảng kê vật tư hàng hóa, than và dịch vụ bán nội bộ Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 03: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

7.2 Thông tin so sánh

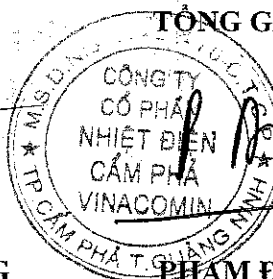
Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ DUNG

PHẠM VĂN THƯỜNG

PHẠM ĐẮC LÂM